TÒA ÁN NHÂN DÂN **QUẬN BA ĐÌNH** **THÀNH PHỐ HÀ NỘI**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: **23**/2022/KDTM- ST
Ngày 22 tháng 3 năm 2022
V/v "T/c hợp đồng mua bán"

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN BA ĐÌNH, THÀNH PHỐ HÀ NỘI

Với thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Ông **Nguyễn Ngọc Long**

Các Hội thẩm nhân dân: 1. Ông **Nguyễn Hà**

2. Bà **Lương Thị Phương**

Thư ký phiên tòa: Bà **Cao Thị Thanh Huyền**

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân quận Ba Đình tham gia phiên tòa:

Bà **Hoàng Thu Trang** – Kiểm sát viên.

Ngày 22 tháng 3 năm 2022 tại trụ sở Tòa án nhân dân quận Ba Đình, thành phố Hà Nội xét xử công khai vụ án Kinh doanh thương mại thụ lý số: 98/2021/TB-TLVA ngày 09 tháng 11 năm 2021 về việc "Tranh chấp hợp đồng mua bán" theo quyết định đưa vụ án ra xét xử sơ thẩm số 43/2022/QĐST-KDTM ngày 15 tháng 02 năm 2022; Quyết định hoãn phiên tòa số 43/2022/QĐST-HPT ngày 04 tháng 3 năm 2022 giữa:

* Nguyên đơn: **Công ty Cổ phần Kinh doanh Vật tư thiết bị G**, địa chỉ trụ sở: Số 11, ngõ 121 phố Thái Hà, phường Trung Liệt, quận Đống Đa, thành phố Hà Nội; Người đại diện theo pháp luật: ông Ngô Văn Hưng - Chức vụ: Giám đốc; Bên được ủy quyền: Công ty Luật TNHH Minh Tín, Người đại diện: ông Lê Đình Việt - Giám đốc, theo Giấy ủy quyền số 06/2021/UQ-MT ngày 23/4/2021 và số 07/2021/UQ-MT ngày 23/4/2021.

* Bị đơn: **Tổng Công ty Xây dựng công trình G**; Địa chỉ: Số 623 đường La Thành, phường Thành Công, quận Ba Đình, thành phố Hà Nội; Người đại diện theo pháp luật: ông Đinh Ngọc Vượng – Chức vụ: Chủ tịch Hội đồng quản trị.

* Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan: **Công ty Thi công X** ; Địa chỉ: Số 623 đường La Thành, phường Thành Công, quận Ba Đình, thành phố Hà Nội; Người đại diện theo pháp luật: ông Nguyễn Thiện Thắng - Chức vụ: Giám đốc.

- Xí nghiệp C; Địa chỉ: Số 623 đường La Thành, phường Thành Công, quận

Ba Đình, thành phố Hà Nội; Người đại diện theo pháp luật: ông Trần Trung Thành - Chức vụ: Giám đốc.

(Đại diện ủy quyền của Nguyên đơn ông Lê Đình Việt có mặt; Bị đơn và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan vắng mặt liên tiếp lần 2 tại phiên tòa không có lý do).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện ngày 27 tháng 5 năm 2021 của nguyên đơn, cũng như bản tự khai và các biên bản hòa giải, người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn ông Lê Đình Việt trình bày:

Dựa trên những tài liệu, chứng cứ hiện có trong hồ sơ, tôi trình bày ý kiến như sau: Công ty Cổ phần Kinh doanh Vật tư thiết bị G *(sau đây gọi tắt là TRAMECO)* và 02 Chi nhánh của Tổng Công ty Xây dựng Công trình Giao thông 1 – Công ty CP *(sau đây gọi tắt là CIENCO1)* là Công ty Thi công X *(sau đây gọi tắt là Công ty Thi công Cơ giới 1)* và Xí nghiệp Cầu 18 – CIENCO1 – Chi nhánh Tổng Công ty Xây dựng Công trình Giao thông 1 – Công ty CP *(sau đây gọi tắt là Xí nghiệp Cầu 18)* ký kết Hợp đồng mua bán số 01/2018/Trameco/CG1 ngày 23/01/2018, số 27/2018/ TRAMECO/COGIOI1 ngày 05/4/2018 và Hợp đồng nguyên tắc số 25.3/2014/TRAMECO ngày 23/04/2014 với nội dung cụ thể:

1. Hợp đồng mua bán số 01/2018/Trameco/CG1 ngày 23/01/2018 giữa Công ty Thi công Cơ giới 1 với TRAMECO về việc cung cấp neo dự ứng lực

a. Nội dung hợp đồng: Hai bên thỏa thuận TRAMECO bán cho Công ty Thi công Cơ giới 1 các mặt hàng sau:

STT	Tên hàng	ĐV	Số lượng	Đơn giá (đồng)	Thành tiền (đồng)
1	Neo công tác OVM.M15A-12	Bộ	06	1.941.000	11.646.000
2	Neo nối OVM.L15-12	Bộ	12	5.871.000	70.452.000
3	Neo chết OVM.P15-12	Bộ	06	1.350.000	8.100.000
4	Đầu ép chết cho cáp 15,24	Cái	40	50.000	2.000.000
5	Cáp cường độ cao không vỏ bọc đường kính 15,24 mm theo tiêu chuẩn ASTM416 Grade270	Tấn	33	23.850.000	787.050.000
Tổng tiền hàng					879.248.000
Tiền thuế GTGT (10%)					*87.924.800*
TỔNG					967.172.800

Xuất xứ hàng hóa: Neo do OVM Liễu Châu, Trung Quốc sản xuất, cáp do Thaiwire - Thái Lan sản xuất.

Thời hạn giao hàng: trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày hợp đồng được ký.

Thanh toán: Ngay sau khi ký hợp đồng, Công ty Thi công Cơ giới 1 tạm ứng cho TRAMECO 30% giá trị hợp đồng, tương đương với số tiền 290.151.840 đồng; thanh toán 70% giá trị còn lại trong thời hạn 60 ngày kể từ ngày giao hàng.

Trả lãi quá hạn thanh toán: Bên mua phải chịu lãi suất cho số tiền chậm trả theo lãi suất cho vay quá hạn của ngân hàng bên bán tại thời điểm thanh toán.

b. Quá trình thực hiện hợp đồng: Quá trình thực hiện hợp đồng, TRAMECO đã cung cấp đủ cho Công ty Thi công Cơ giới 1 các mặt hàng như đã thỏa thuận, chi tiết các lần giao hàng như sau:

<table>
<tr><th>STT</th><th>Ngày giao</th><th>Tên hàng</th><th>Số lượng</th><th>Thành tiền (đồng)</th><th>Chứng từ</th></tr>
<tr><td>1</td><td>23/01/2018</td><td rowspan="2">Cáp dự ứng lực 15,24mm</td><td>11.784 kg</td><td>309.153.340</td><td>Biên bản giao nhận hàng, Hóa đơn GTGT số 0001654 ngày 23/01/2018.</td></tr>
<tr><td>2</td><td>27/02/2018</td><td>23.578 kg</td><td>618.804.945</td><td>Biên bản giao nhận hàng, Hóa đơn GTGT số 0001738 ngày 27/02/2018.</td></tr>
<tr><td rowspan="4">3</td><td rowspan="4">08/02/2018</td><td>Neo nối OVM.L15-12</td><td>12 bộ</td><td rowspan="4">101.417.800</td><td rowspan="4">Biên bản giao nhận hàng, Hóa đơn GTGT số 0001710 ngày 08/02/2018.</td></tr>
<tr><td>Neo công tác OVM.M15A-12</td><td>06 bộ</td></tr>
<tr><td>Neo ép chết OVM.P15-12</td><td>06 bộ</td></tr>
<tr><td>Đầu ép chết cho cáp 15,24</td><td>40 cái</td></tr>
<tr><td colspan="4">TỔNG</td><td>1.029.375.985</td><td></td></tr>
</table>

Thực tế, tổng khối lượng cáp dự ứng lực 15,24 mm TRAMECO bán cho Công ty Thi công Cơ giới 1 là 35.371 (kg) lớn hơn so với dự kiến tại Hợp đồng là 33.000 (kg) nên tổng giá trị hàng hóa các bên mua bán thực tế là 1.029.375.985 đồng *(đã bao gồm 10% thuế GTGT).*

Tuy nhiên, toàn bộ số tiền mua bán hàng hóa trên (1.029.375.985 đồng), Công ty Thi công Cơ giới 1 chưa thanh toán cho TRAMECO theo đúng thời hạn thanh toán tại Điều 4 Hợp đồng. Điều này thể hiện tại Biên bản đối chiếu công nợ lập ngày 31/12/2020 giữa Công ty Thi công Cơ giới 1 và TRAMECO.

2. Hợp đồng mua bán số 27/2018/TRAMECO/COGIOI1 ngày 05/04/2018 giữa Công ty Thi công Cơ giới 1 với TRAMECO về việc mua bán Vật tư cầu

a. Nội dung hợp đồng.

- Đối tượng của hợp đồng: Cáp cường độ cao không vỏ bọc đường kính 15,24 mm ("cáp dự ứng lực") theo tiêu chuẩn ASTM416 grade 270-Thaiwire.

- Khối lượng hàng hóa: 35,616 kg.

- Giá trị hợp đồng: 934.385.760 đồng *(đã bao gồm thuế GTGT).*

- Xuất xứ hàng hóa: do Thaiwire - Thái Lan sản xuất.

- Thời hạn giao hàng: trong thời hạn 05-07 ngày khi nhận được 30% giá trị hợp đồng.

- Thanh toán: Ngay sau khi ký hợp đồng, Công ty Thi công Cơ giới 1 tạm ứng cho TRAMECO 30% giá trị hợp đồng, thanh toán 70% giá trị còn lại trong thời hạn 60 ngày kể từ ngày giao hàng.

- Trả lãi quá hạn thanh toán: Bên mua phải chịu lãi suất cho số tiền chậm trả theo lãi suất cho vay quá hạn của ngân hàng bên bán tại thời điểm thanh toán.

b. Quá trình thực hiện hợp đồng: Quá trình thực hiện hợp đồng, TRAMECO đã cung cấp đủ cho Công ty Thi công Cơ giới 1 các mặt hàng như đã thỏa thuận, chi tiết các lần giao hàng như sau:

STT	Ngày giao	Tên hàng	Số lượng (kg)	Thành tiền (đồng)	Chứng từ
1	10/04/2018	Cáp dự ứng lực 15,24mm	23.625	619.801.875	Biên bản giao nhận hàng, Hóa đơn GTGT số 0001911 ngày 10/04/2018.
2	20/04/2018		11.991	314.583.885	Biên bản giao nhận hàng, Hóa đơn GTGT số 0001947 ngày 20/04/2018.
TỔNG				934.385.760	

Tổng khối lượng hàng hóa mua bán theo hợp đồng là 35.616 (kg) với tổng giá trị là 934.385.760 đồng *(đã bao gồm 10% thuế GTGT).*

Tuy nhiên, toàn bộ số tiền mua bán hàng hóa trên (934.385.760 đồng), Công ty Thi công Cơ giới 1 chưa thanh toán cho TRAMECO theo đúng thời hạn thanh toán tại Điều 4 Hợp đồng. Điều này thể hiện tại Biên bản đối chiếu công nợ lập ngày 31/12/2020 giữa Công ty Thi công Cơ giới 1 và TRAMECO.

Như vậy, tổng số tiền Công ty Thi công Cơ giới 1 chưa thanh toán cho TRAMECO phát sinh từ 02 hợp đồng mua bán hàng hóa số 01/2018/Trameco/CG1 và số 27/2018/TRAMECO/COGIOI1 là 1.963.761.745 đồng.

3. Hợp đồng nguyên tắc số 25.3/2014/TRAMECO ngày 23/04/2014 giữa Xí nghiệp Cầu 18 với TRAMECO về việc mua bán thép và vật tư cầu đường

a. Nội dung hợp đồng.

- Đối tượng của hợp đồng là các mặt hàng thép cán cuộn: D6,D8; Thép thanh vằn đường kính từ D10-D14, L=11,7m; thép ống; thép hình; thép tấm các loại.
- Xuất xứ: hàng do các doanh nghiệp trong nước sản xuất, là các thương hiệu: Hòa Phát, Việt Úc, Việt Ý, Việt Hàn.
- Số lượng: theo nhu cầu thực tế.
- Giá cả: theo từng thời điểm do hai bên thống nhất.
- Thời hạn thanh toán: trong thời hạn 90 ngày kể từ ngày giao nhận hàng.
- Lãi quá hạn thanh toán: Bên mua phải trả lãi với mức lãi suất 1,5%/tháng cho bên bán đối với số tiền nợ gốc quá hạn thanh toán.

b. Quá trình thực hiện hợp đồng

Trong quá trình thực hiện hợp đồng, TRAMECO đã xuất bán cho Xí nghiệp Cầu 18 nhiều đơn hàng. Tuy nhiên, còn **04** đơn hàng Xí nghiệp Cầu 18 chưa thực hiện nghĩa vụ thanh toán, cụ thể:

* **Đơn hàng ngày 24/04/2015**

Chi tiết hàng hóa xuất bán như sau:

STT	Loại hàng	Khối lượng (kg)	Đơn giá (đồng)	Thành tiền (đồng)	Chứng từ
1	Thép cây D12	9.506	14.141	134.424.346	Báo giá có xác nhận của bên mua ngày 24/04/2015; Biên bản giao nhận hàng và Hóa đơn số 0000863 ngày 24/04/2015.
2	Thép cây D16	27.100	14.091	381.866.100	
3	Thép cây D20	8.814	14.091	124.198.074	
4	Thép cây D28	2.208	14.091	31.112.928	
5	Thép cây D32	9.967	14.091	140.444.997	
Tổng tiền hàng				812.046.445	
Tiền thuế GTGT (10%)				*81.204.645*	
TỔNG				893.251.090	

* **Đơn hàng ngày 14/05/2015**: Chi tiết hàng hóa xuất bán như sau:

STT	Loại hàng	Khối lượng (kg)	Đơn giá (đồng)	Thành tiền (đồng)	Chứng từ

1	Thép cây D12	1.205	14.141	17.039.905	Báo giá có xác nhận của bên mua ngày 06/05/2015; Biên bản giao nhận hàng và Hóa đơn số 0000896 ngày 14/05/2015.
2	Thép cây D16	5.712	14.091	80.487.792	
3	Thép cây D20	8.005	14.091	112.798.455	
4	Thép cây D28	13.024	14.091	183.521.184	
5	Thép cây D32	2.215	14.091	31.211.565	
Tổng tiền hàng				425.058.901	
Tiền thuế GTGT (10%)				*42.505.890*	
TỔNG				467.564.791	

* **Đơn hàng ngày 16/05/2015**: Chi tiết hàng hóa xuất bán như sau:

STT	Loại hàng	Khối lượng (kg)	Đơn giá (đồng)	Thành tiền (đồng)	Chứng từ
1	Thép cây D16	36.916	14.091	520.183.356	Báo giá có xác nhận của bên mua ngày 16/05/2015; Biên bản giao nhận hàng và Hóa đơn số 0000903 ngày 16/05/2015.
2	Thép cây D19	7.923	14.091	111.642.993	
3	Thép cây D22	1.139	14.091	16.049.649	
4	Thép cây D29	12.196	14.091	171.853.836	
Tổng tiền hàng				819.729.834	
Tiền thuế GTGT (10%)				*81.972.983*	
TỔNG				901.702.817	

* **Đơn hàng ngày 22 và ngày 23/06/2015:** Chi tiết hàng hóa xuất bán như sau:

STT	Loại hàng	Khối lượng (kg)	Đơn giá (đồng)	Thành tiền (đồng)	Chứng từ
1	Thép cây D16	9.987	14.091	140.726.817	Báo giá có xác nhận của bên mua ngày 22/06/2015; Biên bản giao nhận hàng ngày 22/06/2015; Biên bản giao nhận hàng ngày 23/06/2015; Hóa đơn số 0001030 ngày 23/06/2015.
2	Thép cây D19	4.680	14.091	65.945.880	
3	Thép cây D22	10.406	14.091	147.391.860	
4	Thép cây D29	6.686	14.291	95.549.626	
Tổng tiền hàng				449.614.183	
Tiền thuế GTGT (10%)				*44.961.418*	
TỔNG				494.575.601	

Như vậy, tổng giá trị của 04 đơn hàng trên là **2.757.094.299 đồng**.

Xí nghiệp Cầu 18 đã thanh toán cho đơn hàng ngày 24/04/2015 số tiền **892.447.432 đồng**. Do đó, tổng số tiền Xí nghiệp Cầu 18 còn phải thanh toán cho TRAMECO theo Hợp đồng nguyên tắc số 25.3/2014/TRAMECO là: **1.864.646.867 đồng** *(2.757.094.299 đồng - 892.447.432 đồng*).

TRAMECO đề nghị Tòa án nhân dân quận Ba Đình buộc CIENCO1 phải thanh toán tổng số tiền cả 03 Hợp đồng nêu trên tạm tính đến ngày 22/3/2022 bao gồm tổng số tiền gốc và số tiền lãi chậm phải thanh toán là: 6.278.835.335 đồng.

Tại bản tự khai, biên bản ghi lời khai và các biên bản hòa giải, và tại phiên tòa người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn ông Lê Đình Việt trình bày:

TRAMECO đề nghị Tòa án nhân dân quận Ba Đình buộc CIENCO1 phải thanh toán các khoản tiền sau:

1. Đối với Hợp đồng mua bán số 01/2018/Trameco/CG1 ngày 23/01/2018 về việc cung cấp neo dự ứng lực.

- Tiền gốc: 1.029.375.985 đồng;

- Tiền lãi chậm thanh toán từ ngày 01/01/2021 tạm tính đến hết ngày 22/03/2022 là: 140.895.838 đồng và tiếp tục tính đến khi Tòa án ra bản án giải quyết tranh chấp.

Như vậy, tổng số tiền nợ gốc và lãi chậm thanh toán TRAMECO yêu cầu tạm tính đến ngày 22 tháng 3 năm 2022 là: 1.170.271.823 đồng.

2. Đối với Hợp đồng mua bán số 27/2018/TRAMECO/COGIOI1 ngày 05/04/2018 về việc mua bán Vật tư cầu.

- Tiền gốc: 934.385.760 đồng;

- Tiền lãi chậm thanh toán từ ngày 01/01/2021 tạm tính đến hết ngày 22/03/2022 là: 127.894.051 đồng và tiếp tục tính đến khi Tòa án ra bản án giải quyết tranh chấp.

Như vậy, tổng số tiền nợ gốc và lãi chậm thanh toán TRAMECO yêu cầu tạm tính đến ngày 22 tháng 3 năm 2022 là: 1.062.279.811 đồng.

3. Đối với Hợp đồng nguyên tắc số 25.3/2014/TRAMECO ngày 23/04/2014 giữa Xí nghiệp Cầu 18 với TRAMECO về việc mua bán thép và vật tư cầu đường.

- Tiền gốc: 1.864.646.867 đồng;

- Tiền lãi chậm thanh toán từ ngày 21/09/2015 tạm tính đến hết ngày 22/03/2022 là: 2.181.636.843 đồng và tiếp tục tính đến khi Tòa án ra bản án giải quyết tranh chấp.

Như vậy, tổng số tiền nợ gốc và lãi chậm thanh toán TRAMECO yêu cầu tạm tính đến ngày 22/3/2022 là: 4.046.283.701 đồng.

Tổng cả 03 hợp đồng CIENCO1 phải thanh toán là: 6.278.835.335 đồng.

Hợp đồng mua bán số 01/2018/Trameco/CG1 tại khoản 6.1 Điều 6 của Hợp đồng và tiểu mục 4 Mục III Hợp đồng tín dụng số 13/2018/4068117/HĐTD ngày 23/04/2018 giữa TRAMECO và Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam, lãi suất mà CIENCO1 phải chịu là 0,9375%/tháng *(7,5%/năm x 150%)*. Thời gian tính lãi chậm thanh toán từ ngày 61 (sau 60 ngày kể từ ngày giao nhận hàng). Tuy nhiên, tại Biên bản đối chiếu công nợ ngày 31/12/2020, hai bên đã cùng đối chiếu và thống nhất công nợ đến ngày 31/12/2020. Do đó, thời gian tính lãi chậm thanh toán được xác định lại bắt đầu từ ngày 01/01/2021.

Hợp đồng mua bán số 27/2018/TRAMECO/COGIOI1 tại điểm 4 khoản 5.2 Điều 6 của Hợp đồng và tiểu mục 4 Mục III Hợp đồng tín dụng số 16/2018/4068117/HĐTD ngày 23/04/2018 giữa TRAMECO và Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam, lãi suất mà CIENCO1 phải chịu là 0,9375%/tháng *(7,5%/năm x 150%).* Thời gian tính lãi chậm thanh toán từ ngày 61 (sau 60 ngày kể từ ngày giao nhận hàng). Tuy nhiên, tại Biên bản đối chiếu công nợ ngày 31/12/2020, hai bên đã cùng đối chiếu và thống nhất công nợ đến ngày 31/12/2020. Do đó, thời gian tính lãi chậm thanh toán được xác định lại bắt đầu từ ngày 01/01/2021.

Hợp đồng nguyên tắc số 25.3/2014/TRAMECO tại khoản 3.2 Điều 3 của Hợp đồng, lãi suất mà CIENCO1 phải chịu là: 1,5%/tháng. Vậy, số tiền lãi chậm thanh toán được xác định bắt đầu từ ngày 21/09/2015.

Mặt khác, Công ty Thi công Cơ giới 1 và Xí nghiệp Cầu 18 không có tư cách pháp nhân, là những đơn vị phụ thuộc của CIENCO1 mà theo công văn số 1588/CCTT-ĐKKD và số 1589/CCTT-ĐKKD ngày 14/06/2021 của Phòng Đăng ký kinh doanh - Sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố Hà Nội ghi nhận Công ty Thi công Cơ giới 1 và Xí nghiệp Cầu 18 – Cienco1 là những chi nhánh hoạt động theo ủy quyền của CIENCO1. Như vậy, căn cứ quy định tại khoản 1, khoản 2 và khoản 6 Điều 84 Bộ luật dân sự năm 2015 và khoản 1 Điều 45 Luật Doanh nghiệp năm 2014, Công ty Thi công Cơ giới 1 và Xí nghiệp Cầu 18 là những đơn vị phụ thuộc của CIENCO1. Do đó, mọi giao dịch do hai đơn vị này thực hiện với các đối tác được hiểu là thực hiện theo sự ủy quyền của CIENCO1. Vì thế, khi có tranh chấp hoặc các khoản nợ phát sinh từ hợp đồng được ký kết giữa Công ty Thi công Cơ giới 1 và Xí nghiệp Cầu 18 với đối tác thì CIENCO1 là chủ thể phải chịu trách nhiệm trước pháp luật và trước đối tác.

Trong trường hợp này, các hợp đồng có tranh chấp nêu trên đều được ký giữa TRAMECO và Công ty Thi công Cơ giới 1, Xí nghiệp Cầu 18 nhằm đáp ứng việc thực hiện các công trình của CIENCO1. Do đó, trách nhiệm thanh toán cho TRAMECO thuộc về CIENCO1. Có thể nhận thấy những sai phạm mà CIENCO1 gây ra với TRAMECO là có căn cứ pháp lý, được thể hiện trong các chứng cứ mà TRAMECO đã gửi tới Tòa án. Trên đây là ý kiến của TRAMECO và TRAMECO đề nghị Tòa án nhân dân quận Ba Đình chấp nhận những yêu cầu như TRAMECO đã trình bày trong đơn khởi kiện và những lần làm việc tại Tòa án. Buộc CIENCO1 thanh toán toàn bộ số tiền là 6.278.835.335 đồng cho TRAMECO.

Trong quá trình thụ lý và giải quyết, Tòa án đã tiến hành tống đạt hợp lệ và niêm yết các văn bản tố tụng: Thông báo thụ lý vụ án; Thông báo về việc triệu tập lấy lời khai và tham gia phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận công khai chứng cứ và hòa giải của đương sự; Quyết định yêu cầu cung cấp chứng cứ; Quyết định đưa vụ án ra xét xử; Quyết định hoãn phiên tòa. Do bị đơn và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan không có mặt nên các bên đương sự không tiến hành hòa giải được.

**** Đại diện Viện kiểm sát tham gia phiên Tòa phát biểu quan điểm***:

- Về thủ tục tố tụng: Trong quá trình giải quyết vụ án, Thẩm phán được phân công giải quyết vụ án đã thực hiện đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự trong việc xác định nội dung tranh chấp, thẩm quyền giải quyết tranh chấp, tư cách người tham gia tố tụng, thời hiệu khởi kiện; tiến hành thu thập chứng cứ đầy đủ, tiến hành mở phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải đúng quy định; việc cấp, tống đạt và giao nhận văn bản tố tụng dân sự đúng quy định của pháp luật. Tại phiên tòa, Hội đồng xét xử và Thư ký phiên tòa đã tuân theo đúng các quy định của Bộ luật tố tụng dân sự về việc xét xử sơ thẩm vụ án dân sự, thủ tục tố tụng tại phiên tòa đúng trình tự luật định. Nguyên đơn được thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ tố tụng. Việc Hội đồng xét xử tiến hành việc xét xử sau khi đã tống đạt hợp lệ cho đương sự là đúng thủ tục tố tụng.

- Về nội dung: Việc bị đơn không thanh toán cho nguyên đơn theo đúng thời hạn thỏa thuận trong hợp đồng kinh tế hai bên đã ký là vi phạm hợp đồng kinh tế và các quy định của pháp luật. Yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn về việc thanh toán theo hợp đồng kinh tế là có căn cứ.

Từ những phân tích nhận định trên, đại diện Viện kiểm sát đề nghị Hội đồng xét xử xem xét và quyết định:

Căn cứ các Điều 4, Điều 24, Điều 50, Điều 55, Điều 306, Điều 319 Luật thương mại năm 2005 và Điều 404 Bộ luật dân sự năm 2005, Chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn buộc bị đơn CIENCO1 thanh toán số tiền nợ gốc tạm tính đến ngày 22 tháng 3 năm 2022 là: 3.828.408.612 đồng và lãi theo thỏa thuận các bên trong hợp đồng và quy định pháp luật.

Án phí sơ thẩm: Nguyên đơn không phải chịu án phí sơ thẩm; Bị đơn phải chịu án phí sơ thẩm có giá ngạch theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án, đã được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa. Hội đồng xét xử nhận thấy:

[1] Về tố tụng: Bị đơn là CIENCO1, có địa chỉ trụ sở ghi trên đăng ký kinh doanh theo giấy phép ĐKKD số 0100104274 do sở Kế hoạch và đầu tư thành phố Hà Nội cấp lần đầu ngày 17/9/2010; Đăng ký thay đổi lần thứ 11 cấp ngày 03/9/2020 tại: Số 623 đường La Thành, phường Thành Công, quận Ba Đình, thành phố Hà Nội. Theo quy định tại khoản 1 Điều 30, Điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015: Đây là vụ án Kinh doanh thương mại "Tranh chấp hợp đồng mua bán", thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân quận Ba Đình, thành phố Hà Nội.

- Trong quá trình giải quyết vụ án bị đơn; người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đều vắng mặt không có lý do tại các buổi hòa giải. Vì vậy Tòa án không thể tiến hành hòa giải giữa các đương sự được.

- Bị đơn hiện vẫn đang hoạt động tại địa chỉ đăng ký kinh doanh. Tòa án đã tiến hành tống đạt các thông báo hợp lệ tại địa chỉ kinh doanh của bị đơn. Căn cứ khoản 3 Điều 5, điểm a khoản 2 Điều 6 Nghị quyết số 04/2017/NQ - HĐTP ngày 05/5/2017 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân tối cao Tòa án đã tiến hành tống đạt các văn bản tố tụng tại địa chỉ trụ sở theo đăng ký của bị đơn; Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bằng tống đạt trực tiếp và cả qua đường bưu điện có xác nhận báo phát của bưu cục. Tuy nhiên bị đơn; Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan vắng mặt không lý do và cũng không ủy quyền cho ai tham gia giải quyết vụ án cũng như tại phiên tòa. Vì vậy Tòa án áp dụng điểm b khoản 2 Điều 227, Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015 để tiến hành xét xử vắng mặt bị đơn; Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan.

[2] Về nội dung: Việc ký kết Hợp đồng mua bán số: 01/2018/Trameco/CG1 ngày 23/01/2018; Hợp đồng mua bán số: 27/2018/TRAMECO/COGIOI1 ngày 05/4/2018; Hợp đồng nguyên tắc số: 25.3/2014/TRAMECO ngày 23/4/2014; Giữa nguyên đơn với 02 Chi nhánh của CIENCO1 có hình thức và nội dung phù hợp với quy định của pháp luật.

[3] Căn cứ các hợp đồng, hóa đơn, biên bản đối chiếu công nợ và các tài liệu mà nguyên đơn đã cung cấp cho Tòa án, nhận thấy: Trong quá trình thực hiện hợp đồng, TRAMECO đã giao đầy đủ hàng hóa theo 03 Hợp đồng trên cho 02 Chi nhánh của CIENCO1 theo các Biên bản giao nhận hàng hóa và xuất đầy đủ hóa đơn giá trị gia tăng, cụ thể như sau:

- Hợp đồng mua bán số 01/2018/Trameco/CG1, TRAMECO bán cho Công ty Thi công Cơ giới 1 các mặt hàng là cáp dự ứng lực, neo và đầu ép. Quá trình thực hiện Hợp đồng, TRAMECO đã cung cấp đủ các mặt hàng như đã thỏa thuận, tổng giá trị hàng hóa các bên mua bán là 1.029.375.985 đồng. Tuy nhiên Công ty Thi công Cơ giới 1 đã không thực hiện đúng nghĩa vụ thanh toán theo quy định tại Điều 4 của Hợp đồng mua bán số: 01/2018/Trameco/CG1, điều này được thể hiện tại Biên bản đối chiếu công nợ lập ngày 31/12/2020 giữa Công ty Thi công Cơ giới 1 và TRAMECO (các hóa đơn số: 0001654; 0001738; 0001710); Hợp đồng mua bán số: 27/2018/TRAMECO/COGIOI1 về việc TRAMECO bán cho Công ty Thi công Cơ giới 1 mặt hàng là cáp dự ứng lực. Quá trình thực hiện Hợp đồng TRAMECO đã cung cấp đủ mặt hàng như đã thỏa thuận, tổng giá trị hàng hóa mua bán theo đồng là 934.385.760 đồng. Tuy nhiên, Công ty Thi công Cơ giới 1 đã không thực hiện đúng nghĩa vụ thanh toán theo quy định tại Điều 4 của Hợp đồng mua bán số: 27/2018/TRAMECO/COGIOI1, được thể hiện tại Biên bản đối chiếu công nợ ngày 31/12/2020 (các hóa đơn số: 0001911; 0001947); Hợp đồng nguyên tắc số: 25.3/2014/TRAMECO, về việc mua bán thép và vật tư cầu đường. TRAMECO đã xuất bán cho Xí nghiệp Cầu 18 nhiều đơn hàng, tuy nhiên Xí nghiệp Cầu 18 còn chưa thanh toán cho TRAMECO

04 đơn hàng ngày 24/4/2015, ngày 14/5/2015, ngày 16/5/2015, ngày 22 và 23/6/2015. Tổng giá trị của 04 đơn hàng trên là 2.757.094.299 đồng. Xí nghiệp Cầu 18 đã thanh toán cho đơn hàng 1 số tiền 892.447.432 đồng. Như vậy, tổng số tiền Xí nghiệp Cầu 18 còn nợ TRAMECO theo Hợp đồng nguyên tắc số: 25.3/2014/TRAMECO là 1.864.646.867 đồng. Nội dung này đã được hai bên đối chiếu và thống nhất tại Biên bản đối chiếu công nợ ngày 31 tháng 12 năm 2020.

Tuy nhiên cho đến nay, sau khi TRAMECO đã gửi rất nhiều công văn đến CIENCO1 để đề nghị thanh toán nợ gốc và tiền lãi nợ chậm thanh toán cũng như làm việc, trao đổi rất nhiều lần, CIENCO1 vẫn không thực hiện đầy đủ nghĩa vụ thanh toán cho TRAMECO theo quy định về nghĩa vụ thanh toán được ghi nhận trong 03 Hợp đồng trên.

- Qua quá trình làm việc, hai bên đã xác nhận Đối với Hợp đồng mua bán số 01/2018/Trameco/CG1 khoản tiền nợ gốc: Như đã trình bày ở Mục 1.1 Phần I, tại Biên bản đối chiếu công nợ ngày 31/12/2020, CIENCO1 có nghĩa vụ phải thanh toán số tiền là: 1.029.375.985 đồng. Căn cứ vào khoản 6.1 Điều 6 của Hợp đồng và tiểu mục 4 Mục III Hợp đồng tín dụng số 13/2018/4068117/HĐTD ngày 23/04/2018 giữa TRAMECO và Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam, lãi suất mà CIENCO1 phải chịu là 0,9375%/tháng *(7,5%/năm x 150%)*. Tiền lãi chậm thanh toán từ ngày 01/01/2021 tạm tính đến hết ngày 22/03/2022 là: 140.895.838 đồng *(1.029.375.985 đồng x 0,9375%/tháng x 14,6 tháng)* và tiếp tục tính đến khi Tòa án ra bản án giải quyết tranh chấp.

- Đối với Hợp đồng mua bán số 27/2018/TRAMECO/COGIOI1 khoản tiền nợ gốc: Như đã trình bày ở Mục 1.2 Phần I, tại Biên bản đối chiếu công nợ ngày 31/12/2020, CIENCO1 có nghĩa vụ phải thanh toán số tiền nợ gốc là: 934.385.760 đồng. Căn cứ vào điểm 4 khoản 5.2 Điều 6 của Hợp đồng và tiểu mục 4 Mục III Hợp đồng tín dụng số 16/2018/4068117/HĐTD ngày 23/04/2018 giữa TRAMECO và Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam, lãi suất mà CIENCO1 phải chịu là 0,9375%/tháng *(7,5%/năm x 150%)*. Tiền lãi chậm thanh toán từ ngày 01/01/2021 tạm tính đến hết ngày 22/03/2022 là: 127.894.051 đồng *(934.385.760 đồng x 0,9375%/tháng x 14,6 tháng)* và tiếp tục tính đến khi Tòa án ra bản án giải quyết tranh chấp.

- Đối với Hợp đồng nguyên tắc số 25.3/2014/TRAMECO khoản tiền nợ gốc: Như đã trình bày ở Mục 2 Phần I, tại Biên bản đối chiếu công nợ ngày 31/12/2020, CIENCO1 có nghĩa vụ phải thanh toán số tiền là: 1.864.646.867 đồng. Căn cứ vào khoản 3.2 Điều 3 của Hợp đồng, lãi suất mà CIENCO1 phải chịu là: 1,5%/tháng. Tiền lãi chậm thanh toán từ ngày 21/09/2015 tạm tính đến hết ngày 22/03/2022 là: 2.181.636.843 đồng *(1.864.646.867 đồng x 1.5%/tháng x 78 tháng)* và tiếp tục tính đến khi Tòa án ra bản án giải quyết tranh chấp.

Tổng số tiền của 03 Hợp đồng phải thanh toán tính đến ngày 22 tháng 3 năm 2022 là: 6.278.835.335 đồng. Trong đó nợ gốc là 3.828.408.612 đồng và nợ lãi chậm thanh toán là 2.450.426.723 đồng;

Hai bên cũng đã xác nhận cách tính tiền nợ lãi chậm thanh toán theo quy định tại Điều 4 của Hợp đồng mua bán số: 01/2018/Trameco/CG1, thể hiện tại Biên bản đối chiếu công nợ lập ngày 31/12/2020 giữa Công ty Thi công Cơ giới 1 và TRAMECO (các hóa đơn số: 0001654; 0001738; 0001710); Điều 4 của Hợp đồng mua bán số: 27/2018/TRAMECO/COGIOI1, được thể hiện tại Biên bản đối chiếu công nợ ngày 31/12/2020 (các hóa đơn số: 0001911; 0001947); Theo quy định tại mục 3.2 Điều 3 của Hợp đồng nguyên tắc số 25.3/2014/TRAMECO, Xí nghiệp Cầu 18 đã vi phạm nghĩa vụ thanh toán với TRAMECO kể từ ngày 16/9/2015 và phải trả tiền lãi cho TRAMECO theo quy định tại mục 3.2 Điều 3 của Hợp đồng nguyên tắc số: 25.3/2014/TRAMECO. Theo đó, TRAMECO yêu cầu CIENCO1 thanh toán tổng số tiền tính đến ngày 22/3/2022 là: 6.278.835.335 đồng.

Như vậy, có đủ căn cứ để xác nhận 03 hợp đồng nêu trên có giá trị pháp lý. Vì vậy, yêu cầu của nguyên đơn đề nghị Tòa án tuyên khi án có hiệu lực pháp luật mà bị đơn không thực hiện nghĩa vụ thanh toán số tiền còn nợ của 03 hợp đồng tính đến ngày xét xử sơ thẩm là 6.278.835.335 đồng hoặc thanh toán không đầy đủ khoản nợ thì nguyên đơn có quyền yêu cầu cơ quan thi hành án có thẩm quyền thi hành án bản án là có căn cứ nên được chấp nhận.

[4] Do bị đơn không đưa ra yêu cầu phản tố; Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên qua không đưa ra yêu cầu độc lập nên Tòa án không xem xét. Dành quyền khởi kiện bằng một vụ án khác trong trường hợp đương sự có yêu cầu theo quy định của pháp luật.

[5] Về án phí sơ thẩm: Nguyên đơn không phải chịu án phí sơ thẩm; Bị đơn phải chịu án phí sơ thẩm có giá ngạch theo quy định của pháp luật.

Đại diện Viện kiểm sát tham gia phiên tòa phát biểu quan điểm giải quyết vụ án phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử nên ghi nhận.

- Nguyên đơn; bị đơn; người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan có quyền kháng cáo bản án theo quy định của pháp luật;

- Vì các căn cứ nhận định trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ các Điều 290, 404, 432, 438 Bộ luật dân sự năm 2005; Căn cứ Điều 4, Điều 24, Điều 50, Điều 55, Điều 306, Điều 319 Luật thương mại năm 2005; Căn cứ khoản 1 Điều 30, điểm b, khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 1 Điều 147, điểm b khoản 2 Điều 227, Điều 228, Điều 271, Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015; Căn cứ vào Luật phí và lệ phí số: 97/2015/QH13 ngày 25 tháng 11 năm 2015; Căn cứ Điều 26 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí tòa án;

Xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của **Công ty Cổ phần Kinh doanh Vật tư thiết bị G**;

Buộc Tổng Công ty Xây dựng công trình G phải trả Công ty Cổ phần Kinh doanh Vật tư thiết bị G theo cả 03 Hợp đồng mua bán số 01/2018/Trameco/CG1 ngày 23/01/2018; số 27/2018/TRAMECO/COGIOI1 ngày 05/04/2018; Hợp đồng nguyên tắc số 25.3/2014/TRAMECO ngày 23/04/2014. Tổng số tiền tính đến ngày 22 tháng 3 năm 2022 là **6.278.835.335** *(sáu tỷ, hai trăm bảy mươi tám triệu, tám trăm ba mươi lăm nghìn, ba trăm ba mươi lăm)* đồng. Trong đó tiền nợ gốc là: ***3.828.408.612*** *(ba tỷ, tám trăm hai mươi tám triệu, bốn trăm linh tám nghìn, sáu trăm mười hai)* đồng; tiền lãi chậm thanh toán là: ***2.450.426.723*** *(hai tỷ, bốn trăm lăm mươi triệu, bốn trăm hai mươi sáu nghìn, bảy trăm hai mươi ba)* đồng;

Kể từ ngày 23 tháng 3 năm 2022, Tổng Công ty Xây dựng công trình G còn phải tiếp tục chịu khoản tiền lãi đối với khoản tiền nợ gốc chậm thanh toán cho đến ngày thực tế thanh toán hết nợ cho Công ty Cổ phần Kinh doanh Vật tư thiết bị G. Trong trường hợp Tổng Công ty Xây dựng công trình G không thực hiện được nghĩa vụ thanh toán toàn bộ nợ gốc và số tiền lãi phát sinh, thì Cơ quan thi hành án có quyền chủ động ra quyết định thi hành án hoặc kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án cho đến khi thi hành án xong tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật dân sự năm 2015, trừ trường hợp pháp luật có quy định khác.

2. Do bị đơn không đưa ra yêu cầu phản tố; Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan không đưa ra yêu cầu độc lập nên Tòa án không xem xét. Dành quyền khởi kiện bằng một vụ án khác trong trường hợp các đương sự có yêu cầu theo quy định của pháp luật.

3. Về án phí sơ thẩm:

- Tổng Công ty Xây dựng công trình G phải chịu 114.278.835 *(một trăm mười bốn triệu, hai trăm bảy mươi tám nghìn, tám trăm ba lăm)* đồng án phí sơ thẩm;

- Công ty Cổ phần Kinh doanh Vật tư thiết bị G không phải chịu án phí sơ thẩm và được trả lại số tiền tạm ứng án phí đã nộp 56.000.000 *(năm mươi sáu triệu)* đồng theo biên lai thu số 0067508 ngày 04 tháng 11 năm 2021 tại Chi cục Thi hành án dân sự quận Ba Đình, thành phố Hà Nội.

4. Quyền kháng cáo: Án xử công khai sơ thẩm người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn có mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày 22 tháng 3 năm 2022. Bị đơn; Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án sơ thẩm trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc ngày bản án được niêm yết tống đạt hợp lệ.

Trường hợp bản án được thi hành án theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, Điều 7, 7a và Điều 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- Các đương sự;
- Tòa án nhân dân thành phố Hà Nội;
- Viện kiểm sát nhân dân quận Ba Đình;
- Chi cục THA dân sự quận Ba Đình;
- Lưu hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA
(đã ký)

Nguyễn Ngọc Long